

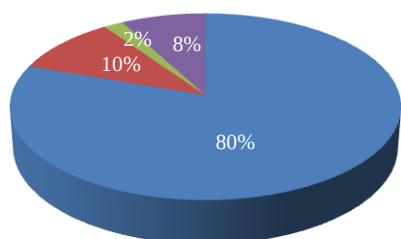
BÁO CÁO PHÂN TÍCH KQKD QUÝ 3/2012 CỦA VIETINBANK

I. ĐIỂM NHẤN ĐẦU TƯ

Thông tin cổ phiếu

Mã chứng khoán	CTG
Ngày giao dịch	16/7/2009
SLCP lưu hành	2.622 triệu cp
EPS cơ bản	3.070 đồng
P/E	6,26x
BVPS	12.580 đồng
Hệ số Beta	1,11

Cơ cấu cổ đông



■ Cổ đông Nhà nước ■ IFC
■ Công đoàn NHCTVN ■ Khác

Một số chỉ tiêu tài chính

Chỉ tiêu	2010	2011	Q3/2012
TTS (tỷ đồng)	367.731	460.604	443.007
VCSH (tỷ đồng)	18.201	28.491	32.990
LNST (tỷ đồng)	3.414	6.259	2.712
ROA (%)	1,5	2,03	1,55
ROE (%)	22,1	26,74	21,76
NIM (%)	3,42	4,54	4,40
CAR (%)	8,02	10,57	12,01
NPL (%)	0,66	0,75	2,61
LDR (%)	113,74	114,06	111,21
LAR (%)	63,69	63,71	67,94

- ❖ Đến 30/9/2012, VietinBank là ngân hàng có quy mô tổng tài sản đứng thứ 2 (sau BIDV) và vốn điều lệ lớn nhất trong khối NH TMCP.
- ❖ Là ngân hàng giữ vai trò trụ cột của hệ thống tài chính, ngân hàng Việt Nam với thị phần lớn, đa dạng. Hiện nay, thị phần huy động vốn gần 11%, thị phần tín dụng trên 13%, thị phần thanh toán thẻ tín dụng quốc tế là 30%, thị phần chuyển tiền kiều hối là 15% trong toàn hệ thống.
- ❖ Lợi nhuận sau thuế trong Quý 3/2012 của VietinBank tăng trưởng mạnh 71,4% so với cùng kỳ năm 2011 và là ngân hàng dẫn đầu trong số các ngân hàng niêm yết. Đặc biệt tổng số lãi ròng của các ngân hàng niêm yết cộng lại vẫn thấp hơn số lãi ròng của CTG.
- ❖ Hầu hết các mảng hoạt động phi tín dụng của VietinBank đều báo lãi (trừ chứng khoán đầu tư lỗ theo xu hướng chung của ngành ngân hàng). Đặc biệt là hoạt động dịch vụ và góp vốn mua cổ phần tăng đột biến.
- ❖ Các chỉ tiêu tài chính của CTG trong Quý 3/2012 đã được cải thiện đáng kể: hoạt động cho vay và huy động đều đã tăng trưởng so với cuối năm 2011, vốn chủ sở hữu liên tục được bổ sung, tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu luôn được đảm bảo và có xu hướng tăng, hiệu quả hoạt động của ngân hàng đang được nâng cao, các chỉ tiêu sinh lời đều đạt hiệu quả cao.
- ❖ Tỷ lệ nợ xấu của CTG trong Quý 3/2012 đã được kiểm soát ở mức ổn định nhờ những biện pháp kiểm soát cho vay và nợ xấu có hiệu quả. Hoạt động thu hồi nợ xấu của ngân hàng đã bước đầu đạt hiệu quả tốt.

II. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

1. Quy mô, tốc độ tăng trưởng

Tăng trưởng tổng tài sản và Vốn chủ sở hữu

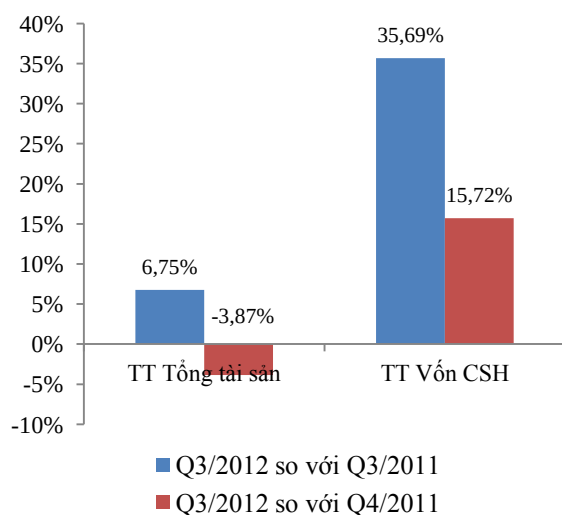
Tổng tài sản và VCSH Quý 3/2012 tăng so với cùng kỳ năm 2011.

Tổng tài sản Quý 3/2012 của CTG tăng 6,75% so với cùng kỳ năm 2011, nhưng so với cuối năm 2011 vẫn giảm 3,87%. Nguyên nhân sụt giảm so với năm 2011 do các ngân hàng có hiện tượng dư thừa nguồn vốn khiến hoạt động cho vay trên thị trường liên ngân hàng của CTG bị thu hẹp (giảm 37,81%) và tiền gửi Ngân hàng Nhà nước giảm 42,77%.

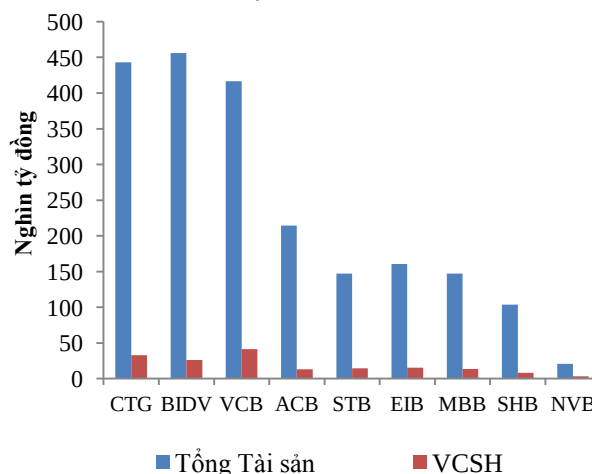
Trong Quý 3/2012, vốn chủ sở hữu của VietinBank tiếp tục được bổ sung vào hoạt động kinh doanh, chủ yếu từ khoản lợi nhuận chưa phân phối, tăng từ 2.602 tỷ đồng tại Quý 2/2012 lên 4.974 tỷ đồng.

So với các ngân hàng trong cùng hệ thống, CTG hiện đứng thứ 3 về tổng tài sản (sau Agribank, BIDV) và đứng thứ 3 về vốn chủ sở hữu (sau Agribank, VCB), nhưng xét về vốn điều lệ CTG chỉ đứng sau Agribank.

Tăng trưởng TTS và VCSH



So sánh với các ngân hàng tại 30/9/2012



Nguồn: Báo cáo tài chính của một số ngân hàng

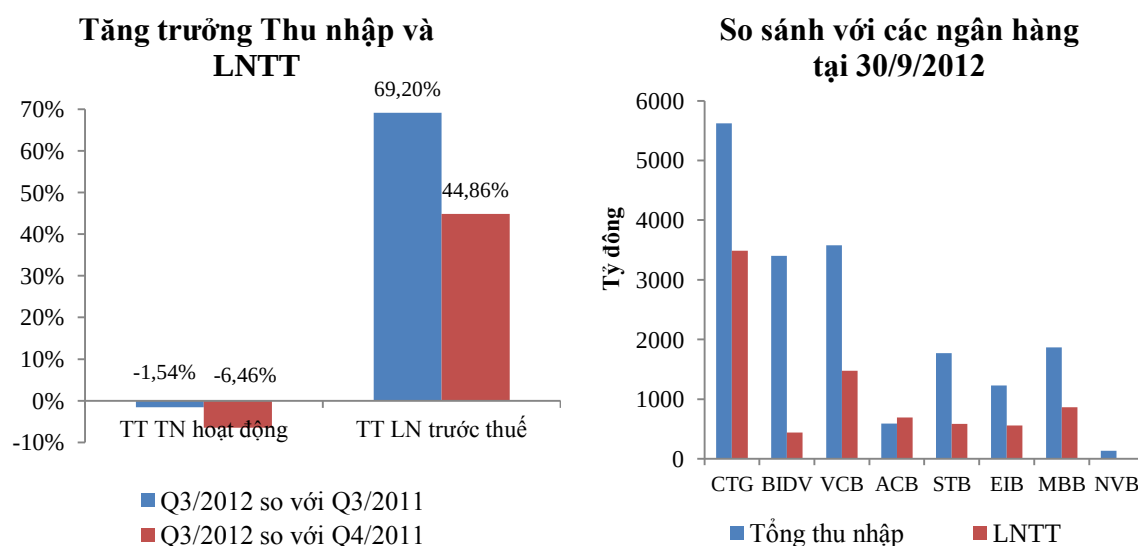
Tăng trưởng lợi nhuận trước thuế và tổng thu nhập hoạt động

Tổng thu nhập hoạt động giảm nhẹ

Tổng thu nhập hoạt động Quý 3/2012 của CTG giảm nhẹ so với cùng kỳ năm 2011 và cuối năm 2011 chủ yếu do thu nhập lãi thuần của ngân hàng giảm 12,63% so với cùng kỳ năm 2011, trong khi hầu hết các khoản thu nhập còn lại của ngân hàng vẫn tăng trưởng so với cùng kỳ năm 2011. Nguyên nhân chủ yếu xuất phát từ giảm lãi suất cho vay theo định hướng của ngân hàng Nhà nước nhằm hỗ trợ các doanh nghiệp trong tình hình nền kinh tế vẫn khó khăn.

... nhưng LNTT lại tăng mạnh

Mặc dù thu nhập hoạt động giảm, nhưng lợi nhuận trước thuế của VietinBank vẫn tăng mạnh so với cùng kỳ năm 2011 và cuối năm 2011 do ngân hàng đẩy mạnh tăng thu từ hoạt động dịch vụ (từ lỗ 5 tỷ đồng tại Quý 3/2011 sang lãi 250 tỷ đồng tại Quý 3/2012). Đồng thời ngân hàng cũng thành công trong việc giảm chi phí hoạt động trong điều kiện nền kinh tế vẫn còn khó khăn như hiện nay (giảm 47,89% so với quý 2/2012). Mặt khác, trong Quý 3/2012 chi phí dự phòng rủi ro tín dụng của CTG cũng giảm mạnh 68,5% so với Quý 2/2012 và giảm nhẹ 1,01% so với cùng kỳ năm 2011 do nợ xấu của ngân hàng hầu như không tăng so với Quý 2/2012. So với các ngân hàng niêm yết và BIDV, lợi nhuận sau thuế của CTG dẫn đầu các ngân hàng.

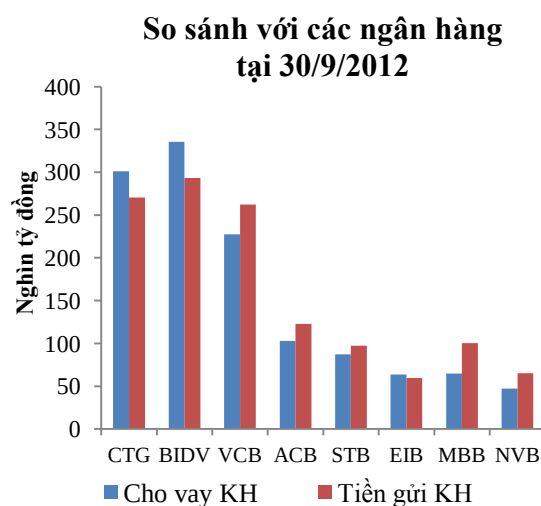
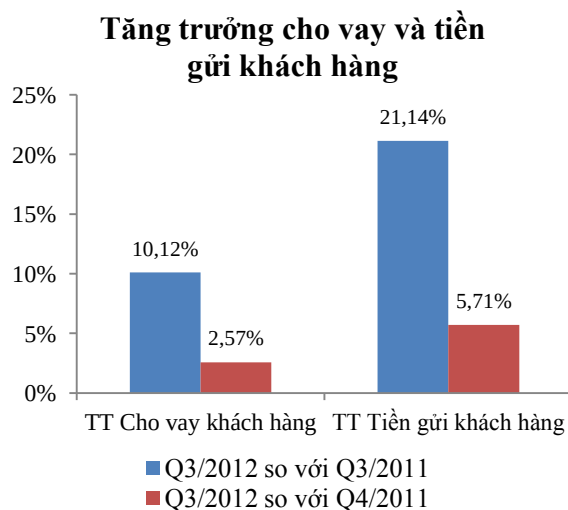


Nguồn: Báo cáo tài chính của một số ngân hàng

Tăng trưởng cho vay khách hàng, tiền gửi khách hàng

Dư nợ cho vay và tiền gửi khách hàng Q3.2012 đều đã tăng trưởng so với cuối năm 2011

Tốc độ tăng trưởng dư nợ cho vay khách hàng và tiền gửi khách hàng trong Quý 3/2012 tăng so với cùng kỳ năm 2011 và cuối năm 2011. Đây là điều hoàn toàn phù hợp với chính sách hiện nay của các ngân hàng nhằm đẩy mạnh tăng trưởng huy động và cho vay sau khi 6 tháng đầu năm tăng trưởng chậm, thậm chí âm. Tuy nhiên, do nền kinh tế vẫn còn khó khăn, sự cạnh tranh giữa các ngân hàng ngày càng gay gắt, tình hình kinh doanh của các doanh nghiệp vẫn còn chưa đạt hiệu cao tốt nên việc kiểm soát nợ xấu chặt chẽ bên cạnh việc vẫn đảm bảo tốc độ tăng trưởng tín dụng vẫn là nhiệm vụ hàng đầu của ngân hàng hiện nay. So với các ngân hàng niêm yết và BIDV, thị phần huy động và cho vay của CTG hiện đứng thứ hai (sau BIDV).



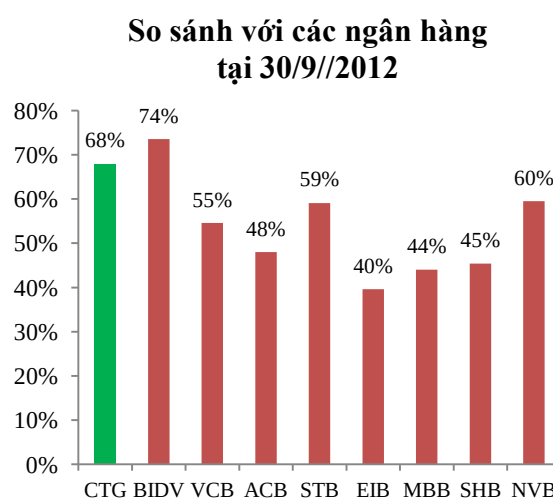
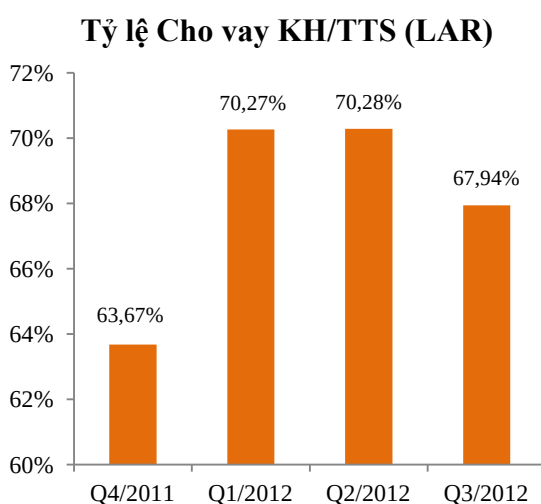
Nguồn: Báo cáo tài chính của một số ngân hàng

2. Cơ cấu tài sản, chất lượng đầu tư

Cho vay khách hàng

LAR khá ổn định

Tỷ lệ cho vay/Tổng tài sản (LAR) trong Quý 3/2012 giảm so với Quý 2/2012, xuống còn 67,94% do tốc độ tăng trưởng cho vay khách hàng 5,73% thấp hơn tốc độ tăng trưởng tổng tài sản 7,33%. Nhưng so với năm 2011, tỷ lệ LAR lại tăng do tổng tài sản của ngân hàng Quý 3/2012 tăng trưởng âm so với cuối năm 2011. So với mặt bằng chung của các ngân hàng đang niêm yết (54,6%) thì tỷ lệ này của CTG vẫn khá cao. Với chính sách thận trọng trong cho vay của VietinBank trong điều kiện nền kinh tế vẫn còn gặp khó khăn như hiện nay cùng các biện pháp xử lý nợ xấu hiệu quả, nâng cao chất lượng tài sản đảm bảo, chúng tôi tin rằng ngân hàng có thể kiểm soát tốt rủi ro, đảm bảo thanh khoản.



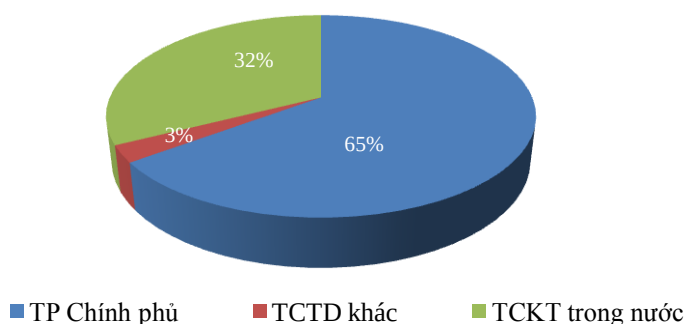
Nguồn: Báo cáo tài chính của một số ngân hàng

Danh mục đầu tư

Danh mục chứng khoán đầu tư thận trọng, an toàn

Danh mục chứng khoán đầu tư của VietinBank khá thận trọng, an toàn, có độ rủi ro rất thấp, chủ yếu tập trung vào chứng khoán nợ (trái phiếu chính phủ, trái phiếu của các TCTD...) chiếm đến 99% danh mục đầu tư, trong đó trái phiếu Chính phủ chiếm 65% giá trị danh mục đầu tư. Với lượng trái phiếu Chính phủ lớn như vậy, VietinBank có thể sử dụng linh hoạt trên hoạt động thị trường mở với Ngân hàng Nhà nước đảm bảo thanh khoản trong những tháng cuối năm khi nhu cầu thanh toán tăng mạnh.

Cơ cấu danh mục đầu tư tại Quý 3/2012



Nguồn: Báo cáo tài chính của CTG

Tài sản Có khác

Tài sản có khác có xu hướng tăng

Tài sản Có khác của CTG có xu hướng tăng so với năm 2011, từ 14.257 tỷ đồng cuối năm 2011 lên 20.081 tỷ đồng tại 30/9/2012. Trong đó các khoản phải thu (bao gồm các chi phí XDCB dở dang, mua sắm sửa chữa lớn TSCĐ....) tăng 28,94%; Các khoản lãi, phí phải thu tăng 14,92%; Tài sản có khác tăng 8,19%; Các khoản DPRR cho các TS có nội bảng khác giảm từ 534 tỷ đồng xuống 7 tỷ đồng. Hiện nay, tỷ lệ Tài sản có khác/Tổng tài sản của VietinBank chiếm 4,53%, thấp hơn mức trung bình của các ngân hàng niêm yết. Ngoài ra, tài sản có khác của VietinBank không có các khoản mục bất thường như đặt cọc môi giới chứng khoán hay ủy thác đầu tư.

Đơn vị: Tỷ đồng

CHỈ TIÊU	Năm 2011	Q2/2012	Q3/2012
Các khoản phải thu	5.556	8.185	10.554
Các khoản lãi, phí phải thu	6.665	6.406	7.362
Tài sản có khác	2.044	2.071	2.172
DPRR cho các TS có nội bảng khác	(9)	(534)	(7)
Tổng	14.257	16.128	20.081

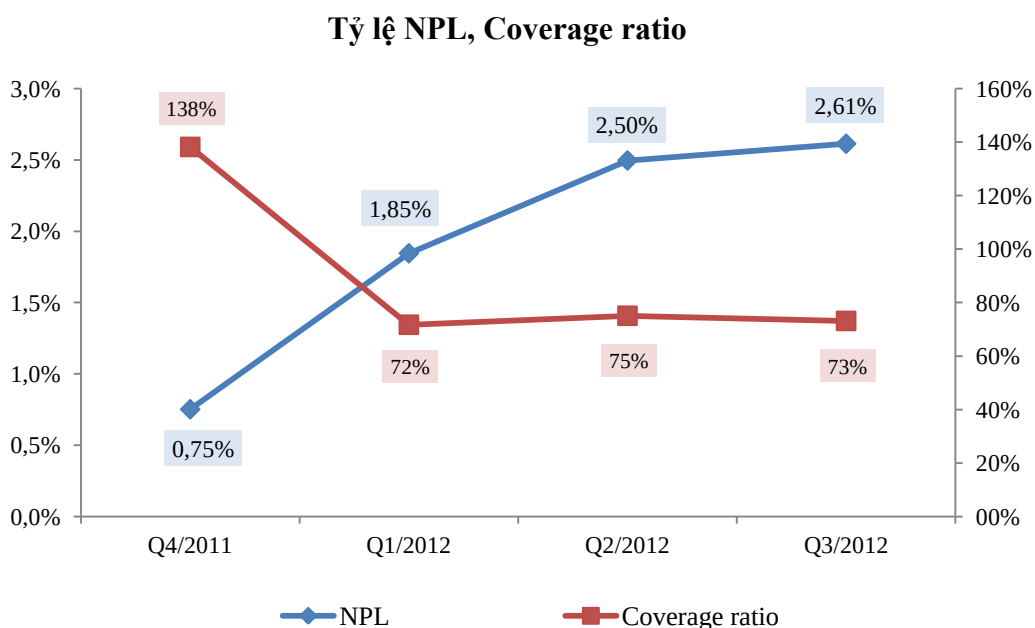
Nguồn: Báo cáo tài chính của CTG

3. Chất lượng tín dụng

Nợ xấu đã được kiểm chế trong Quý 3/2012. Ngân hàng đã thu hồi được một số khoản nợ xấu

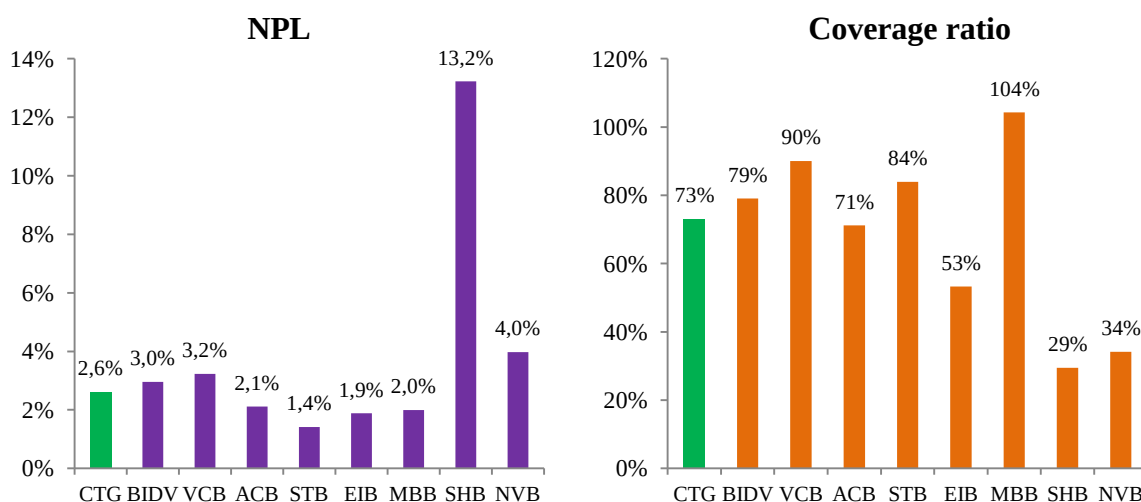
Tỷ lệ nợ xấu Quý 3/2012 của CTG tăng nhẹ 0,11% so với Quý 2/2012 lên 2,61%, trong đó nợ nghi ngờ và nợ có khả năng mất vốn tăng so với Quý 2/2012, lần lượt là 75,2% và 14,5%; nhưng nợ cần chú ý và nợ dưới tiêu chuẩn lại giảm 27,1% và 38,4%. Điều này cho thấy trong Quý 3/2012 ngân hàng đã thu hồi được một số khoản nợ xấu chứng tỏ các biện pháp xử lý các khoản nợ xấu của ngân hàng bước đầu đã có hiệu quả. Tuy nhiên, do tình hình các doanh nghiệp vẫn còn khó khăn nên ảnh hưởng đến khả năng trả nợ ngân hàng của khách hàng khiến cho một số khoản nợ của khách hàng bị chuyển nhóm nợ (thể hiện ở tỷ lệ nợ nhóm 2 giảm trong khi nợ nhóm 4 và nhóm 5 lại tăng). So với ngành ngân hàng, tỷ lệ nợ xấu của CTG vẫn thấp hơn trung bình ngành. Đặc biệt so với NH TMCP Nhà nước, nợ xấu của CTG vẫn thấp nhất (BIDV 3,0% và VCB 3,2%).

Tỷ lệ bao phủ nợ xấu (Coverage ratio) trong những quý gần đây của CTG biến động không nhiều và dao động quanh mức 75% do nợ xấu của ngân hàng tăng không đáng kể; đồng thời dự phòng rủi ro cho các khoản nợ xấu đã được trích lập đầy đủ trong các quý trước đó. So với các ngân hàng niêm yết và BIDV, tỷ lệ bao phủ nợ xấu của CTG đứng thứ 4/9 ngân hàng và cao hơn mức trung bình của các ngân hàng niêm yết (68,7%) thể hiện quan điểm thận trọng của ngân hàng trong việc trích lập dự phòng rủi ro tín dụng trong điều kiện nền kinh tế khó khăn.



Nguồn: Báo cáo tài chính của CTG

Chất lượng tín dụng của các ngân hàng niêm yết



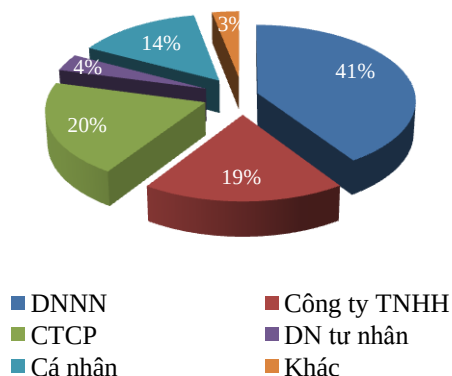
Cơ cấu dư nợ cho vay

Cho vay ngắn hạn chiếm gần 60%

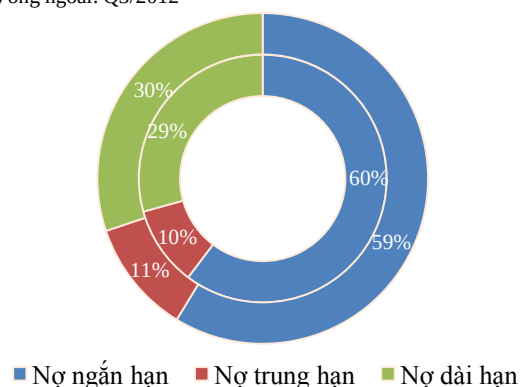
Tương tự các ngân hàng khác tại Việt Nam, dư nợ cho vay của CTG tập trung vào cho vay ngắn hạn, chiếm gần 60% danh mục cho vay. Cơ cấu cho vay của CTG hoàn toàn phù hợp với cơ cấu tiền gửi của ngân hàng, chủ yếu tập trung vào các tiền gửi có kỳ hạn ngắn hạn (kỳ hạn dưới 1 năm chiếm đến 85% tổng nguồn vốn huy động).

Cơ cấu cho vay theo đối tượng khách hàng hợp lý: 41% SOE - 40% SME - 29% Khác

Đối tượng khách hàng vay vốn của CTG chủ yếu tập trung vào nhóm khách hàng doanh nghiệp (chiếm đến 83% danh mục cho vay), trong đó doanh nghiệp Nhà nước chiếm 41% tổng dư nợ cho vay. Nguồn vốn cho vay các doanh nghiệp nhà nước chủ yếu để tài trợ cho các ngành kinh tế mũi nhọn, trọng điểm quốc gia, an toàn, có hiệu quả và có khả năng trả nợ tốt của các tập đoàn, tổng công ty lớn như PVI, EVN, Tập đoàn Than và Khoáng sản Việt Nam, TCT Lương thực Miền Bắc, TCT Xi măng Việt Nam, TCT Thép Việt Nam, TCT Xăng dầu (Petrolimex), TCT Bưu chính viễn thông Việt Nam.... Bên cạnh nhóm khách hàng doanh nghiệp Nhà nước, VietinBank cũng đẩy mạnh khai thác các thế mạnh, tiềm lực kinh tế của khối DNVVN. Tỷ trọng cho vay các doanh nghiệp vừa và nhỏ của CTG hiện chiếm gần 40% tổng dư nợ cho vay.

Dư nợ cho vay theo đối tượng khách hàng**Dư nợ cho vay theo kỳ hạn**

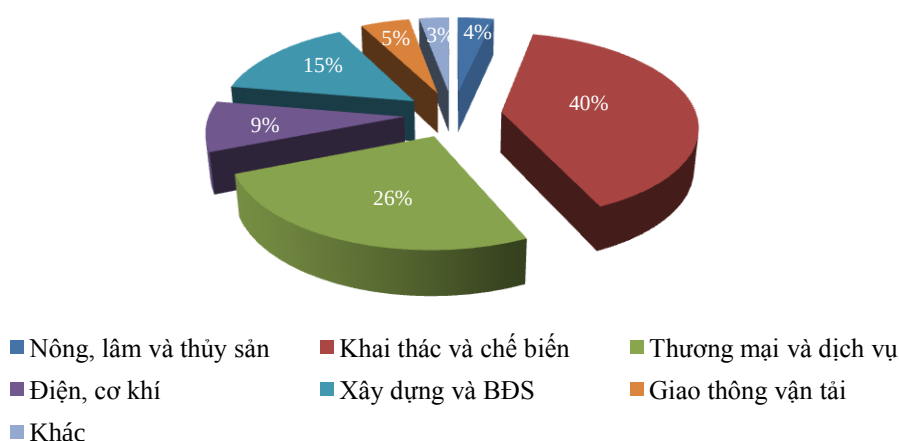
Vòng trong: Q4/2011
Vòng ngoài: Q3/2012



Nguồn: Báo cáo tài chính của CTG

Cơ cấu dư nợ không phụ thuộc quá nhiều vào 1 nhóm ngành giúp phân tán rủi ro

Danh mục tín dụng theo ngành của CTG phù hợp với tình hình phát triển kinh tế chung của đất nước và ít có sự biến động qua các năm. Dư nợ tín dụng của ngành công nghiệp khai thác và chế biến chiếm tỷ trọng lớn nhất 40%, tiếp đến là ngành thương mại dịch vụ chiếm 26%, xây dựng và bất động sản chiếm 15%. Với cơ cấu dư nợ không phụ thuộc quá nhiều vào một nhóm ngành, CTG có thể phân tán được rủi ro trong hoạt động cho vay của mình.

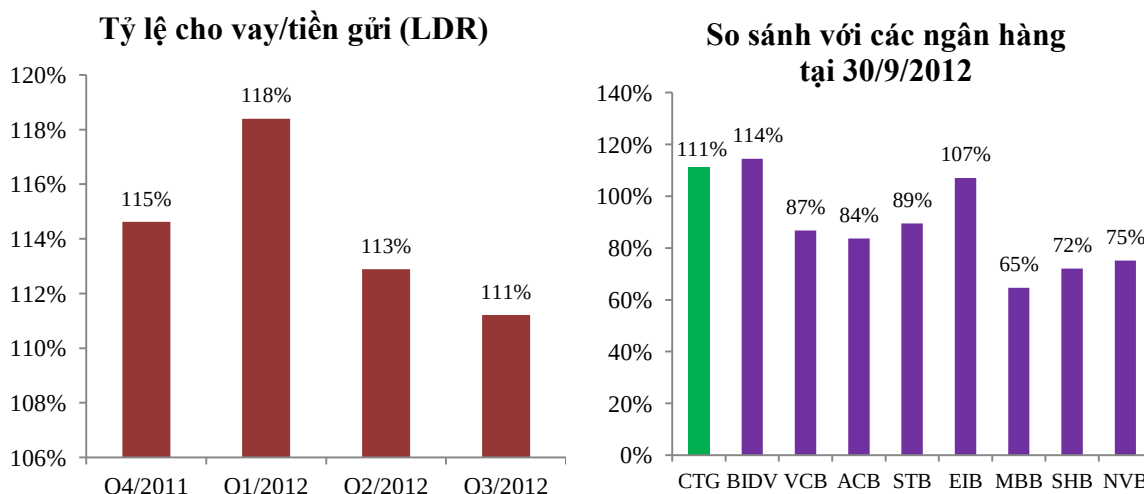
Cơ cấu cho vay theo ngành nghề

Nguồn: Báo cáo tài chính của CTG

4. Tính thanh khoản

LDR có xu hướng giảm

Tỷ lệ cho vay/tiền gửi (LDR) trong Quý 3/2012 giảm so với Quý 2/2012 và năm 2011, ở mức cao so với các ngân hàng niêm yết. Nguyên nhân do chủ trương của VietinBank trong việc giảm tỷ lệ LDR của ngân hàng trong điều kiện các doanh nghiệp đang gặp khó khăn và nợ xấu có xu hướng tăng, khiến cho tốc độ tăng trưởng dư nợ cho vay khách hàng (2,57%) thấp hơn tốc độ tăng trưởng tiền gửi khách hàng (5,71%).



Nguồn: Báo cáo tài chính của một số ngân hàng

Hệ số an toàn vốn

CAR cao và có xu hướng tăng

Việc luôn đảm bảo duy trì hệ số an toàn vốn CAR theo đúng quy định của Ngân hàng Nhà nước và có xu hướng tăng đều qua các quý trong năm 2012 (từ 10,57% năm 2011 lên 12,01% tại Quý 3/2012) cho thấy nguồn vốn dồi dào của ngân hàng, tạo điều kiện giúp ngân hàng có thể đảm bảo được việc hỗ trợ thanh toán các khoản nợ đến hạn, đảm bảo an toàn cho hoạt động kinh doanh khi có biến động lớn về thanh khoản.

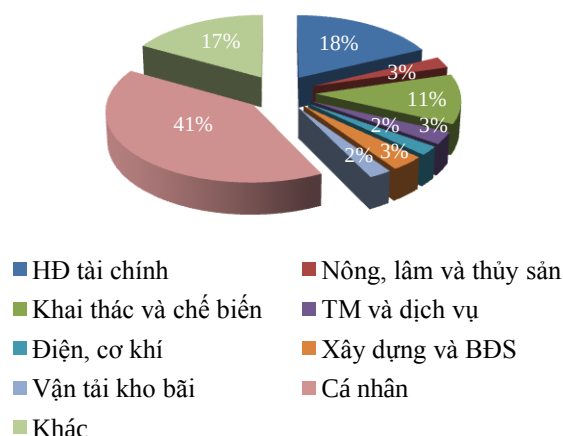
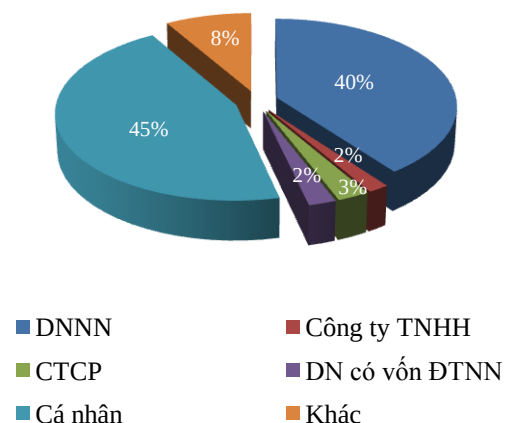
Cơ cấu tiền gửi khách hàng

Thu hút được nguồn vốn lớn từ các tập đoàn, TCT lớn

Nhờ thương hiệu mạnh và uy tín cao, VietinBank đã thiết lập và duy trì được một lượng vốn lớn với các cơ quan nhà nước, tập đoàn, tổng công ty lớn như Kho bạc Nhà nước, TCT Thép, Tập đoàn Dầu khí, Tập đoàn Than khoáng sản..., chiếm 40% tổng nguồn vốn huy động của VietinBank. Nguồn vốn huy động có độ ổn định cao và chi phí thấp nói trên đã tạo lợi thế cho VietinBank giảm chi phí vốn bình quân, đảm bảo một nguồn vốn ổn định cho ngân hàng, nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh. Bên cạnh nguồn vốn của khối doanh nghiệp nhà nước, VietinBank còn huy động được một khối lượng lớn vốn từ khu vực dân cư, chiếm tới 45% tổng nguồn vốn huy động nhờ lợi thế về mạng lưới chi nhánh rộng khắp và uy tín của ngân hàng hàng đầu Việt Nam.

Cơ cấu huy động đa dạng

Phù hợp với cơ cấu theo ngành nghề, nguồn vốn huy động của CTG trải đều trong các ngành, trong đó một số ngành trọng yếu chiếm tỷ trọng lớn như Hoạt động tài chính, ngân hàng, bảo hiểm chiếm 18%; Khai thác chế biến chiếm 11%. Điều này cho thấy hoạt động huy động vốn của CTG rất đa dạng, trên tất cả các lĩnh vực của nền kinh tế.

Cơ cấu tiền gửi theo ngành nghề**Cơ cấu dư nợ theo đối tượng khách hàng**

Nguồn: Báo cáo tài chính của CTG

5. Khả năng sinh lời

ROE, ROA xu hướng tăng do lợi nhuận tăng mạnh

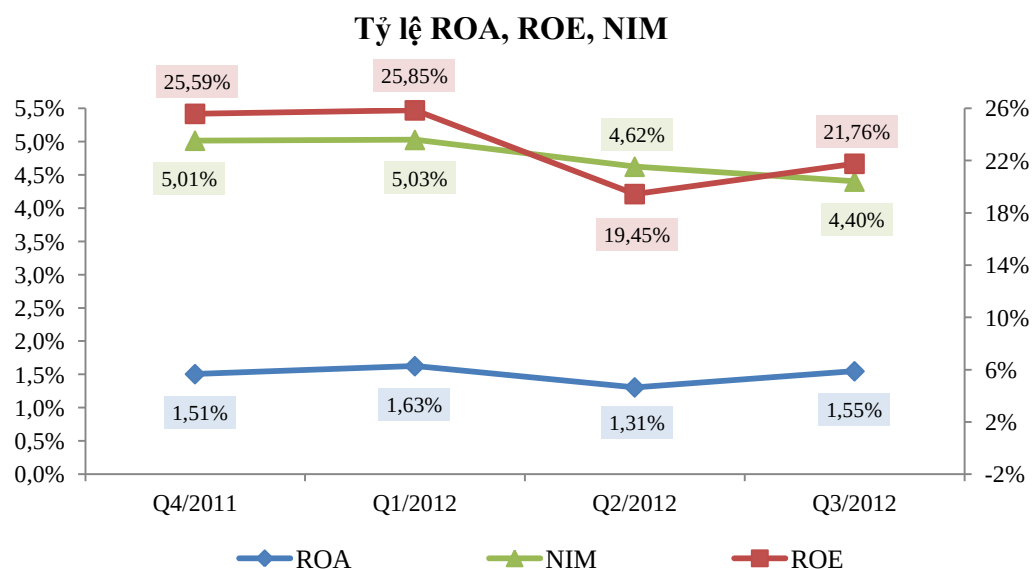
ROA, ROE của CTG trong Quý 3/2012 tăng so với cùng kỳ năm 2011, tương ứng 1,55% và 21,76%. Nguyên nhân do lợi nhuận Quý 3/2012 tăng mạnh 71,4% so với cùng kỳ năm 2011 (chủ yếu do thu nhập từ hoạt động dịch vụ từ lỗ 5 tỷ đồng tại Quý 3/2012 sang lãi 250 tỷ đồng tại Quý 3/2012 và thu nhập góp vốn mua cổ phần tăng đột biến 847,64%, trong khi chi phí hoạt động giảm 47,55% và chi phí dự phòng rủi ro tín dụng giảm nhẹ 1,01% so với cùng kỳ năm 2011 do các biện pháp kiểm soát cho vay và nợ xấu đã phát huy hiệu quả tích cực).

NIM giảm theo xu hướng chung của ngành ngân hàng

Cùng với xu hướng chung của toàn hệ thống ngân hàng, NIM của CTG cũng có xu hướng giảm, từ 5,01% cuối năm 2011 xuống còn 4,40% tại Quý 3/2012 do lãi suất giảm mạnh cùng các chính sách giảm lãi suất các khoản vay cũ về 15% nhằm hỗ trợ các doanh nghiệp của Ngân hàng Nhà nước đã khiến cho thu nhập từ lãi của ngân hàng giảm mạnh. Mặt khác, hoạt động trên thị trường liên ngân hàng không còn sôi động như năm 2011, các ngân hàng có tình trạng dư thừa vốn khiến cho số dư cho vay và lợi nhuận thu được từ hoạt động cho vay trên thị trường 2 giảm mạnh.

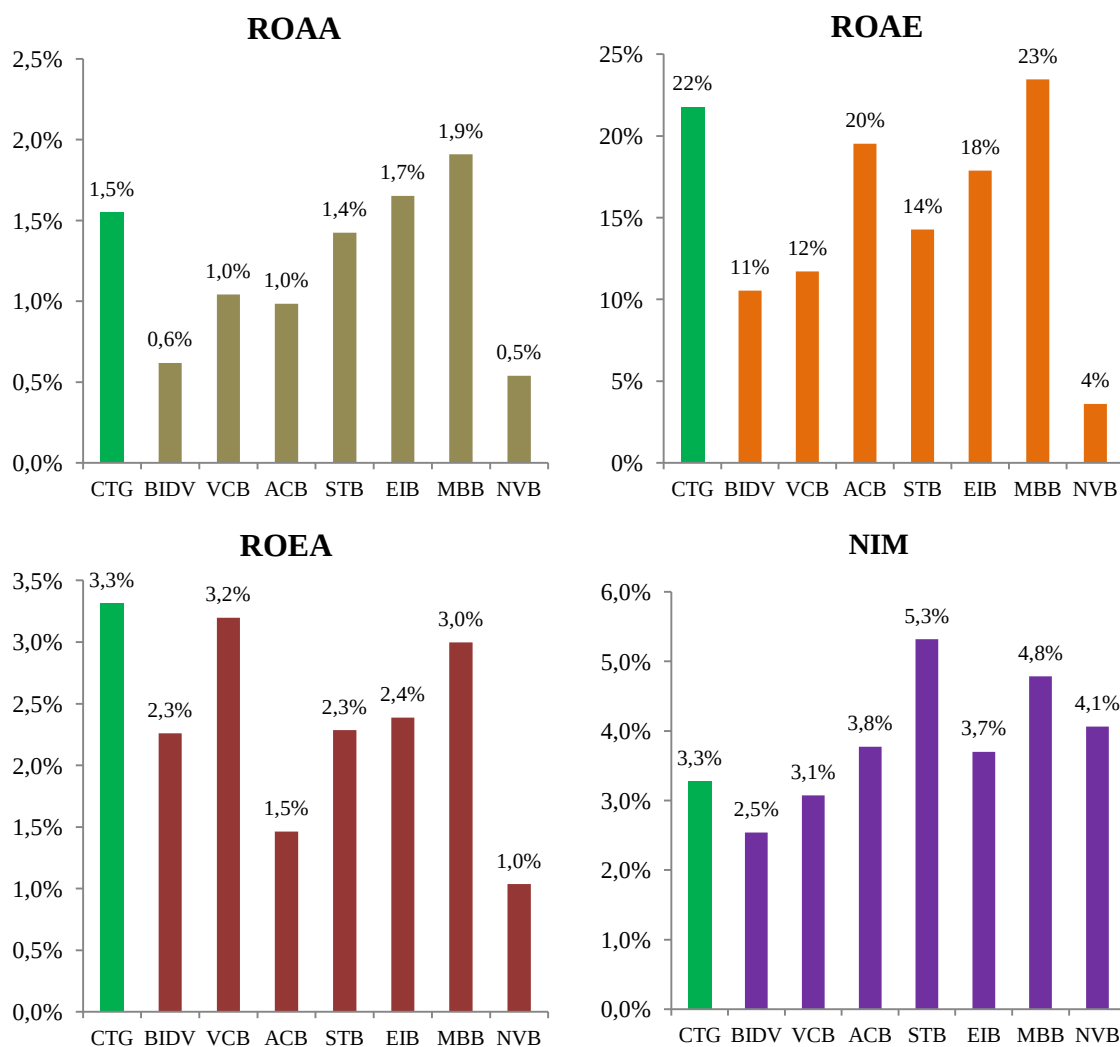
ROAA: 3/9
ROAE: 2/9
ROEA: 1/9
NIM: 5/9

Với ROAE đạt 21,76%, hiệu quả sinh lời trên VCSH của CTG đứng thứ 2 sau MBB và gấp 6 lần NH đứng cuối là NVB. Tỷ suất sinh lời trên tổng tài sản của CTG cũng đạt mức cao, đứng thứ 3 sau MBB và EIB. Tuy nhiên, tỷ lệ lãi ròng cận biên của CTG trong Quý 3/2012 chỉ đứng thứ 5/9 ngân hàng so sánh.



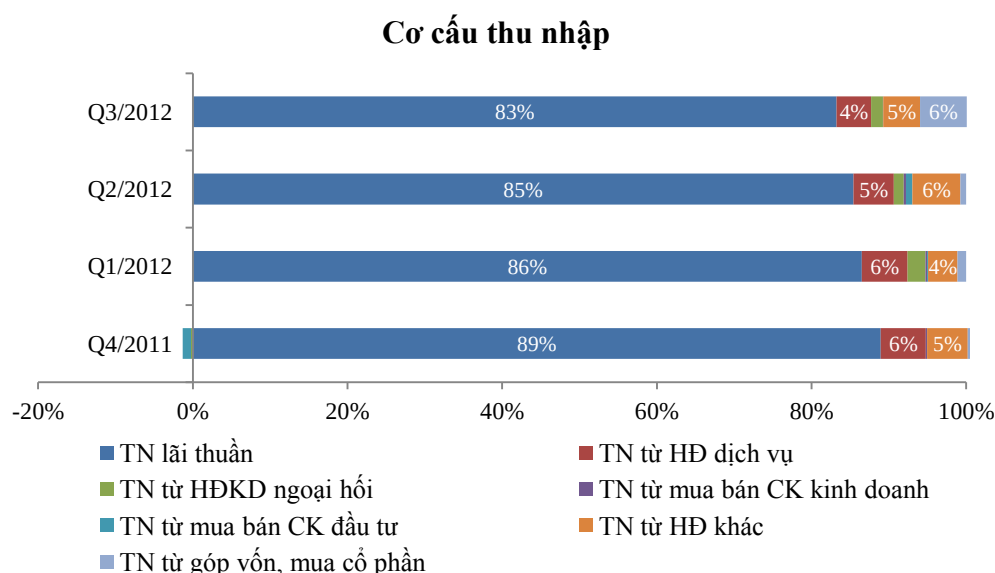
Nguồn: Báo cáo tài chính của CTG

Khả năng sinh lời của các ngân hàng niêm yết



Thu nhập từ hoạt động dịch vụ và góp vốn mua cổ phần tăng đột biến so với cùng kỳ năm 2011

Cơ cấu các khoản thu nhập của CTG vẫn đến từ các dịch vụ ngân hàng truyền thống: thu nhập lãi thuần và thu nhập từ hoạt động dịch vụ. Trong Quý 3/2012, tỷ trọng thu nhập lãi thuần trong tổng thu nhập có xu hướng giảm do ngân hàng thực hiện các chính sách giảm lãi suất của Ngân hàng Nhà nước nhằm hỗ trợ các doanh nghiệp trong điều kiện khó khăn và hoạt động trên thị trường 2 bị thu hẹp do các ngân hàng có tình trạng dư thừa vốn. Đặc biệt trong quý 3/2012, thu nhập từ hoạt động dịch vụ tăng đột biến, từ 5 tỷ đồng tại Quý 3/2011 chuyển sang lãi 250 tỷ đồng tại Quý 3/2012. Điều này thể hiện chiến lược của VietinBank trong việc tăng nguồn thu từ hoạt động dịch vụ. Thu nhập từ hoạt động góp vốn mua cổ phần của CTG trong Quý 3/2012 cũng tăng đột biến, từ 36 tỷ đồng tại Quý 3/2011 lên 340 tỷ đồng do trong kỳ ngân hàng nhận được cổ tức từ các khoản góp vốn đầu tư dài hạn khác.



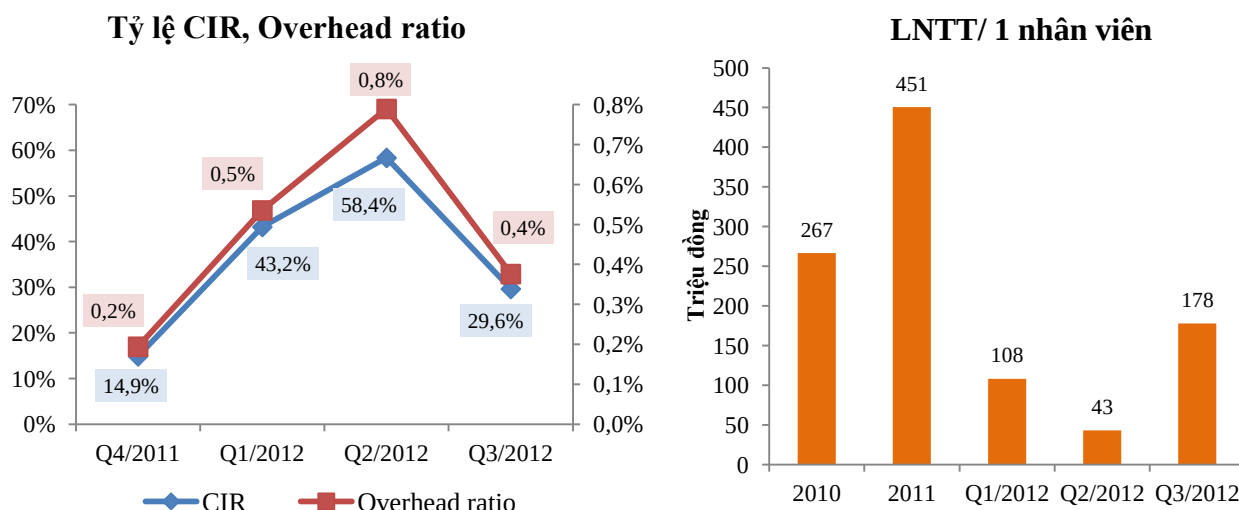
Nguồn: Báo cáo tài chính của CTG

6. Hiệu quả hoạt động

CIR, Overhead Ratio có xu hướng giảm. Lợi nhuận do 1 nhân viên tạo ra vẫn tăng

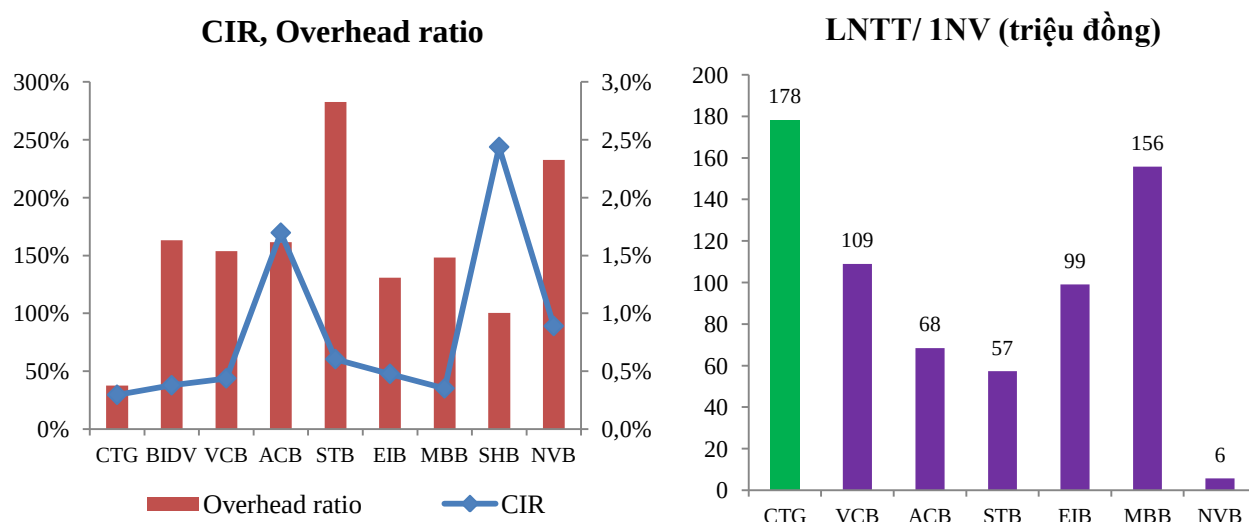
Tỷ lệ chi phí/thu nhập (CIR) và Tỷ lệ Chi phí chung (Overhead Ratio) của CTG trong Quý 3/2012 có xu hướng giảm do chi phí hoạt động giảm mạnh 47,8% theo tình hình chung của toàn ngành ngân hàng. Mặt khác, Lợi nhuận do một nhân viên tạo ra trong Quý 3/2012 tăng mạnh lên 167 triệu đồng do ngân hàng thực hiện chiến lược đẩy mạnh tăng thu từ hoạt động dịch vụ cùng các biện pháp kiểm soát cho vay và nợ xấu khiến lợi nhuận trong quý này của ngân hàng tăng mạnh 70,35%.

So với các ngân hàng niêm yết và BIDV, các chỉ tiêu phản ánh hiệu quả hoạt động của CTG trong Quý 3/2012 đều đứng đầu trong các ngân hàng được so sánh cho thấy hiệu quả quản lý chi phí của ngân hàng rất tốt.



Nguồn: Báo cáo tài chính của CTG

Hiệu quả hoạt động của các ngân hàng niêm yết



KẾT LUẬN CHUNG

- Các chỉ tiêu tài chính của CTG trong Quý 3/2012 đã được cải thiện đáng kể: hoạt động cho vay và huy động đều đã tăng trưởng so với cuối năm 2011, vốn chủ sở hữu liên tục được bổ sung, hiệu quả hoạt động của ngân hàng đang được nâng cao, các chỉ tiêu sinh lời đều đạt hiệu quả cao.
- Tỷ lệ nợ xấu của VietinBank trong Quý 3/2012 đã được kiểm soát ở mức ổn định nhờ những biện pháp kiểm soát cho vay và nợ xấu có hiệu quả. Hoạt động thu hồi nợ xấu của ngân hàng đã bước đầu đạt hiệu quả tốt. Trong điều kiện khó khăn chung của toàn ngành kinh tế và hệ thống ngân hàng, việc các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh vẫn còn gặp khó khăn phần nào đã ảnh hưởng đến khả năng trả nợ ngân hàng, khiến cho một số khoản nợ xấu của VietinBank đã

bị chuyển nhóm nợ. Tuy nhiên các khoản nợ xấu này đã được trích lập dự phòng đầy đủ trong các quý trước đây nên dự phòng rủi ro tín dụng trong quý 3/2012 tăng không đáng kể, khiến cho lợi nhuận Quý 3/2012 tăng đột biến 71,4% so với cùng kỳ năm 2011.

- Đặc biệt, VietinBank đang đẩy mạnh tăng thu từ hoạt động dịch vụ nhằm đa dạng hóa sản phẩm và đẩy mạnh hoạt động ngân hàng bán lẻ để thực hiện mục tiêu phát triển thành tập đoàn tài chính-ngân hàng đa năng hàng đầu Việt Nam.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT QUÝ III/2012

Đơn vị: Tỷ đồng

STT	CHỈ TIÊU	SỐ CUỐI KỲ	SỐ ĐẦU NĂM (Số kiểm toán)
A	TÀI SẢN		
I	Tiền mặt, vàng bạc, đá quý	2.951	3.714
II	Tiền gửi tại NHNN	6.925	12.101
III	Tiền vàng gửi tại các TCTD khác và cho vay các TCTD khác	40.702	65.452
IV	Chứng khoán kinh doanh	899	543
V	CCTC phái sinh và các tài sản tài chính khác	72	20
VI	Cho vay khách hàng	295.219	290.398
1	Cho vay khách hàng	300.970	293.434
2	Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng	(5.752)	(3.037)
VII	Chứng khoán đầu tư	69.561	67.449
1	Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán	67.212	65.321
2	Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	2.600	2.400
3	DP giảm giá chứng khoán đầu tư	(250)	(272)
VIII	Góp vốn, đầu tư dài hạn	2.781	2.924
IX	Tài sản cố định	3.815	3.746
X	Bất động sản đầu tư	-	-
XI	Tài sản cố khác	20.081	14.257
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN CÓ	443.007	460.604
B	NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU		
I	Các khoản nợ Chính phủ và NHNN	372	27.294
II	Tiền gửi và vay các TCTD khác	61.676	74.408
III	Tiền gửi của khách hàng	270.634	257.274
IV	Các CCTC phái sinh và các khoản nợ tài chính khác	-	-
V	Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay TCTD chịu rủi ro	38.450	36.825
VI	Phát hành giấy tờ có giá	13.745	11.089
VII	Các khoản nợ khác	24.927	25.016
	TỔNG NỢ PHẢI TRẢ	409.805	431.905
VIII	Vốn và các quỹ	32.990	28.491
1	Vốn của TCTD	26.220	22.174
	- Vốn điều lệ	26.218	20.230
	- Thặng dư vốn cổ phần	2	1.944
2	Quỹ của TCTD	1.495	1.476
3	Chênh lệch tỷ giá hối đoái do chuyển đổi BCTC	302	300
4	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	-	-
5	Lợi nhuận chưa phân phối/Lỗ lũy kế	4.974	4.541
IX	Lợi ích của cổ đông thiểu số	212	208
	TỔNG NGUỒN VỐN	443.007	460.604

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT QUÝ III/2012

Đơn vị: Tỷ đồng

STT	CHỈ TIÊU	Quý III/2012	Lũy kế từ đầu năm đến cuối QIII/2012
1	Thu nhập lãi & các khoản thu nhập tương tự	11.410	38.822
2	Chi phí lãi và các chi phí tương tự	6.730	25.098
I	Thu nhập lãi thuần	4.680	13.724
3	Thu nhập từ hoạt động dịch vụ	397	1.259
4	Chi phí hoạt động dịch vụ	147	391
II	Lãi/lỗ thuần từ hoạt động D/vụ	250	868
III	Lãi /lỗ thuần từ hoạt động KD ngoại hối	86	281
IV	Lãi /lỗ thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh	3	32
V	Lãi /lỗ thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư	(3)	42
5	Thu nhập từ hoạt động khác	389	946
6	Chi phí hoạt động khác	123	179
VI	Lãi /lỗ thuần từ hoạt động khác	266	767
VII	Thu nhập từ góp vốn. mua cổ phần	340	428
VIII	Chi phí hoạt động	1.666	7.059
IX	Lợi nhuận thuần từ HĐKD trước chi phí DPRR tín dụng	3.956	9.083
X	Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	466	2.802
XI	Tổng lợi nhuận trước thuế	3.490	6.281
XII	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	778	1.453
XIII	Lợi nhuận sau thuế	2.712	4.828
XIV	Lợi ích của cổ đông thiểu số	4	14
XV	Lợi nhuận thuần sau thuế của Chủ sở hữu	2.708	4.813

CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CỦA CTG

Chỉ tiêu	2008	2009	2010	2011	Q3/2012
ROA	2,56%	2,22%	1,96%	1,97%	1,55%
ROE	1,00%	1,31%	1,12%	1,51%	21,76%
NIM	4,11%	3,77%	4,12%	5,04%	4,40%
TN lãi thuần/Tổng thu nhập	82,69%	81,94%	81,58%	89,60%	83,24%
LDR	99,27%	109,86%	113,74%	114,06%	111,21%
LAR	62,38%	66,93%	63,69%	63,71%	67,94%
CAR	12,02	8,06	8,02	10,57	12,01
Tỷ lệ khả năng chi trả	14,49%	13,69%	16,84%	18,82%	12,34%
VCSH/Tổng TS	6,37%	5,16%	4,94%	6,19%	7,45%
Nợ phải trả/VCSH	14,69	18,37	19,23	15,16	12,42
TS thanh khoản/Tổng TS	13,57%	12,97%	15,99%	17,64%	11,42%
NPL	1,81%	0,61%	0,66%	0,75%	2,61%
Coverage ratio	98,31%	154,99%	180,03%	137,76%	73,12%
DPRR/Dư nợ cho vay	1,78%	0,95%	1,18%	1,03%	1,91%
Chi phí/Thu nhập (CIR)	57,02%	55,94%	48,57%	40,57%	29,64%
Overhead ratio	2,56%	2,22%	1,96%	1,97%	0,38%
LNTT/INV (triệu đồng)	161	212	267	451	178

CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CỦA CÁC NGÂN HÀNG NIÊM YẾT

Chỉ tiêu	CTG	BIDV	VCB	ACB	STB	EIB	MBB	SHB	NVB
ROA (%)	1,5	0,6	1,0	1,0	1,4	1,7	1,9	-6,6	0,5
ROE (%)	21,8	10,5	11,7	19,5	14,3	17,9	23,5	-82,0	3,6
NIM (%)	4,4	2,5	3,1	3,8	5,3	3,7	4,8	1,7	4,1
COF (%)	10,5	11,2	6,5	8,3	9,9	9,2	6,8	8,5	11,3
YEA (%)	12,5	12,0	8,7	12,8	14,5	12,0	11,2	9,1	15,0
TN lãi thuần/Tổng TN	83,2	82,0	76,8	270,1	94,5	93,9	91,0	90,0	98,0
TN dịch vụ/ Tổng TN	4,4	14,8	9,2	29,2	13,7	4,5	8,3	5,8	1,5
LDR (%)	111,2	114,4	86,7	83,7	89,4	107,1	64,6	72,1	75,2
LAR (%)	67,9	73,5	54,5	48,0	59,1	39,6	44,0	45,4	59,5
Tỷ lệ khả năng chi trả (%)	12,3	13,3	36,1	25,8	21,3	49,4	36,1	29,9	7,9
VCSH/TTS (%)	7,4	5,7	9,9	6,1	9,7	9,7	9,3	8,0	15,7
Nợ phải trả/VCSH	12,4	16,5	9,1	15,5	9,3	9,4	9,7	11,5	5,4
TS thanh khoản/TTS (%)	11,4	12,6	32,5	24,3	19,2	44,6	32,6	27,5	6,6
NPL (%)	2,6	3,0	3,2	2,1	1,4	1,9	2,0	13,2	4,0
Coverage ratio (%)	73,1	79,0	90,0	71,2	83,9	53,2	104,2	29,4	34,1
DPRR/Dư nợ cho vay (%)	1,9	2,3	2,9	1,5	1,2	1,0	2,1	3,9	1,4
Chi phí/Thu nhập (%)	29,6	37,9	43,8	169,6	60,4	47,7	35,2	243,6	89,0
Overhead ratio (%)	0,4	1,6	1,5	1,6	2,8	1,3	1,5	1,0	2,3
LNTT/ 1NV (triệu đồng)	178	-	109	68	57	99	156	(345)	6